

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HS-PT

Ngày: 22/7/2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Khánh

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Tấn Quốc

Ông Nguyễn Phước Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Tây Ninh).

**- Bị cáo có kháng cáo:** Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985, tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Võ Thị N (sống); chồng: Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và Hồ Đức T2, sinh năm 1970 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất 2006, nhỏ nhất 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2024 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:**

**- Bị hại:** Trần Thị Bạch T3.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngô Thị Hồng C, Nguyễn Văn L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Thị Thanh T đến nhà bà Trần Thị Bạch T3 địa chỉ số I Bis T, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An để trả 100.000.000 đồng tiền vay trước đó và xin chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn B mà T đã thế chấp cho bà T3. Bà T3 đưa lại cho T một túi nylon màu đen bên trong đựng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) mang tên Lê Văn B. Bị cáo T mở túi nylon ra xem sơ qua thì thấy bên trong có GCNQSDĐ mang tên Lê Văn B, sau đó buộc lại và đem về nhà. Đến khoảng tháng 10 năm 2022, bà T3 gọi điện thoại cho T hỏi có trả nhầm GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn L, Ngô Thị Hồng C cho T không, T trả lời không có, sau đó T mở túi nylon ra xem thấy GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn L, Ngô Thị Hồng C nằm bên dưới GCNQSDĐ mang tên Lê Văn B. Tuy nhiên, T không trả lại ngay cho bà T3 mà giữ lại. Đến gần cuối năm 2022, bà T3 tiếp tục hỏi lại T nếu có trả nhầm cho T GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn L, Ngô Thị Hồng C thì cho bà T3 xin lại, vì C vay tiền của bà T3, thế chấp GCNQSDĐ, C không trả được nợ nên bà T3 cần có GCNQSDĐ để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Sau khi biết được thông tin trên, bị cáo T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà T3 bằng cách đưa ra thông tin giả rằng T biết Nguyễn Văn L có mượn của người tên Lê Văn T4 số tiền 50.000.000 đồng gốc và lãi là 10.000.000 đồng, đồng thời L có thể chấp cho anh T4 một GCNQSDĐ tên Nguyễn Văn L, Ngô Thị Hồng C. Để tạo lòng tin cho bà T3, T chụp ảnh GCNQSDĐ số CV153391, thửa đất số 821, tờ bản đồ số 2, vị trí ở ấp B, thành phố T, tỉnh Long An, diện tích 121,7m<sup>2</sup> người đứng tên là Nguyễn Văn L và Ngô Thị Hồng C do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 05/3/2020 gửi qua zalo của bà T3. Bà T3 tin tưởng đưa cho bị cáo T 60.000.000 đồng để nhờ T chuộc giấy giùm. Sau khi nhận số tiền 60.000.000 đồng, T đến nhà bà T3, đưa trực tiếp cho bà T3 GCNQSDĐ số CV153391 cùng với một giấy mượn tiền của L do chính bị cáo T viết ra ghi ngày 25/10/2022. Do còn đang nợ tiền bà T3 cho nên bị cáo T đã dùng 60.000.000 đồng này trả nợ cho bà T3.

Đến đầu năm 2023, bà T3 nói với T cần có giấy tờ chứng minh bà T3 đã nhận GCNQSDĐ của L, C từ Lê Văn T4 và có đưa cho T4 60.000.000 đồng, mục đích là bà T3 muốn đòi chị C trả lại 60.000.000 đồng mà bà T3 đã bỏ ra để chuộc giấy, bà T3 nhờ T đi làm giúp, T đồng ý, sau đó T nói T4 không có nhà, chỉ có vợ của T4 là Nguyễn Thị Thu N1 có nhà. Sau đó, tại một quán nước nhỏ ven đường thuộc địa bàn xã B, huyện T, tỉnh Long An, T đã nhờ một người phụ nữ bán vé số dạo viết nội dung: “*Nguyễn Thị Thu N1 là vợ của anh Lê Văn T4 có cho cô Trần Thị Bạch T3 chuộc một bằng khoán đất của anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1990, CMND: 301372406, địa chỉ thường trú: 758 ấp N, xã N, TP., Long An với số tiền: 60.000.000 đồng*”, ghi ngày 01/02/2023. Nội dung do bị cáo T đọc ra, T không cho người bán vé số biết lý do viết nội dung trên để làm gì, sau đó T đưa giấy này cho bà T3 giữ để làm tin. Trong quá trình điều tra bị

cáo Lê Thị Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T3.

Tại bản Kết luận giám định số 630/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận 01 giấy mượn tiền ghi ngày 25/10/2022 là do Lê Thị Thanh T viết ra.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bản gốc giấy mượn tiền ngày 25/10/2022 của Nguyễn Văn L mượn Lê Văn T4 50.000.000 đồng; 01 bản gốc giấy xác nhận của Nguyễn Thị Thu N1 ngày 01/02/2023 cho bà T3 chuộc lại CNQSDĐ với số tiền 60.000.000 đồng; 01 bản gốc biên nhận của Trần Thị Bạch T3 ngày 15/3/2023, nhận số tiền 60.000.000 đồng từ Lê Thị Thanh T.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSTA ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tây Ninh) đã truy tố bị cáo Lê Thị Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Tây Ninh) đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, bị cáo Lê Thị Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo đã ăn năn về hành vi của mình và đã bồi thường xong cho bị hại. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thanh T trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên

Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2, Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Thị Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo bị cáo có nộp bổ sung tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện nuôi 02 con nhỏ; bản thân đang điều trị bệnh tim; bị hại có đơn xin bãi nại. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Việc không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thanh T trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 340 và 344 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Thanh T tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do mối quan hệ quen biết với bị cáo T, trong tháng 8/2022 bà Trần Thị Bạch T3 đã giao nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV153391, thửa số 821, tờ bản đồ số 2, vị trí ở ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An đứng tên Nguyễn Văn L và Ngô Thị Hồng C mà bà T3 đang quản lý cho bị cáo Lê Thị Thanh T nên khoảng tháng 10/2022, khi biết được thông tin bà T3 đang tìm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên, bị cáo T đã thực hiện hành vi gian dối bằng cách đưa ra thông tin không có thật về việc Nguyễn Văn L có mượn của anh Lê Văn T4 số tiền 60.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV15339 đã được Tí giữ làm cho bà T3 tin là sự thật đã giao cho bị cáo số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng và sử dụng cho mục đích cá nhân.

Do đó đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do số tiền chiếm đoạt là 60.000.000đ nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thanh T theo quy định tại khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự có hoàn toàn có căn cứ, không oan.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt (trước khi bị khởi tố) và đã áp dụng điểm s và b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm khi lượng hình đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo Lê Thị Thanh T kháng cáo có nộp bổ sung tài liệu thể hiện bị cáo đang điều trị bệnh tim định kỳ (hẹp 60% lòng mạch thì tâm thu); bản thân hiện làm nghề bán vé số dạo; hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi 02 con: lớn sinh 2006 đang học Trung cấp được và nhỏ sinh năm 2011 đang học lớp 8); chăm sóc mẹ bị tai biến và người anh bị bị thần kinh có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 27/3/2025. Bị hại làm đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu do nhất thời, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu buộc bị cáo phải chấp hành án thì làm cho gia đình bị cáo lâm vào tình trạng túng quẫn. Do đó, xét thấy không cần cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã trình bày tại phiên tòa.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thanh T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Tây Ninh) về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thanh T.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thanh T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án

nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Tây Ninh) về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thanh T.

2. Tuyên bố: bị cáo Lê Thị Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 2 Điều 174; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án 22/7/2025.

Giao bị cáo Lê Thị Thanh T về Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Thị Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1- Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Khánh**